

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kết thúc ngày 30/6/2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi, bổ sung
theo các văn bản liên quan

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý II năm 2012 VND	Lũy kế từ Đầu năm đến cuối quý II/2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	27.756.214.667	48.642.485.964
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(21.115.153.863)	(34.104.483.249)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.736.326.029)	(5.700.869.990)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(926.836.194)	(1.863.905.514)
5 Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(311.048.824)	(862.263.381)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.489.721.617	2.231.601.985
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.527.598.254)	(9.911.444.078)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(371.026.880)	(1.568.878.263)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	0	(16.544.000)
2 Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	97.636.364	336.136.364
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.712.471	37.015.879
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	129.348.835	356.608.243
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.511.102.082	19.270.302.070
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.090.830.757)	(14.745.886.007)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	(409.510.312)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.420.271.325	4.114.905.751
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	2.178.593.280	2.902.635.731
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.464.221.042	2.740.178.591
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.642.814.322	5.642.814.322

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Quang Lực

Quảng Nam, ngày 25 tháng 7 năm 2012

Lê Quang Lực

Nguyễn Dũng